

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **1043/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Đức My Trân.

2. Ông Nguyễn Thành Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2323/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1981

Địa chỉ: 24/3 đường A, khu phố B, phường C, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Tuyết S, sinh năm 1980

Địa chỉ: 2621 X Owensboro KY 42303, USA.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2022 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị Tuyết S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Đ (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 02/4/2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông và bà S sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống hàng ngày. Năm 2018, bà S trở về Mỹ sinh sống và làm việc, còn ông vẫn ở lại Việt Nam. Trong khoảng thời gian này, ông và bà S thỉnh thoảng có liên lạc để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn

không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với bà Phan Thị Tuyết S ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Vì bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản tự khai đã được chứng nhận tại Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ ngày 28/4/2022, bị đơn là bà Phan Thị Tuyết S xác nhận lời trình bày của ông Trần Văn T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay ông T xin ly hôn, bà đồng ý được ly hôn với ông T. Do điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Trần Văn T và bà Phan Thị Tuyết S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân quận Đ (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của ông Trần Văn T được ly hôn bà Phan Thị Tuyết S, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của ông T và bà S, thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, ông T và bà S không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay ông T và bà S đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Tuyết S là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Trần Văn T và bà Phan Thị Tuyết S khai không có.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trần Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn T và bà Phan Thị Tuyết S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn bà Phan Thị Tuyết S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân quận Đ (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2018 cho ông Trần Văn T và bà Phan Thị Tuyết S không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trần Văn T phải chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002003 ngày 19/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Ông Trần Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Phan Thị Tuyết S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND thành phố Đ, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên

